TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRƯNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **405**/2023/QĐST-HNGĐ

Quận H, ngày 26 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số **661**/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2022 về việc: ***Tranh chấp ly hôn*** giữa:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Hồng H** - sinh năm 1976; HKTT: Tập thể Công ty x, tổ 21, phường Đ, quận L, thành phố H;

Bị đơn: Ông **Tô Kim D** - sinh năm 1959; HKTT: Số 262 phố L, phường Đ, quận H, thành phố H; nơi ở: P.1103, T01, khu đô thị T, số 458 phố M, phường V, quận H, thành phố .

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ khoản 1 Điều 51 và Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số **326**/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 6 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16/6/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. **Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị Hồng H và ông Tô Kim D.**

Giấy chứng nhận kết hôn số **92**, quyển số 01 ngày 28/5/2015 do UBND phường Đ, quận L, thành phố H cấp cho bà Phạm Thị Hồng H và ông Tô Kim D không còn giá trị pháp lý.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Không có.

2.2. Về tài sản chung: (bao gồm động sản và bất động sản)**:** Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về công nợ chung: Các đương sự xác nhận không vay nợ chung ai và không cho ai vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Bà H tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*), được đối trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) bà đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/**0013024** ngày 17/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố H. Nay bà Hải được hoàn trả số tiền là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố H;
- VKSND quận H;
- Chi cục THADS quận H;
- UBND phường Đ, quận L, TP H(Số 92, quyển số 01, ngày 28/5/2015);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Đặng Hoàng P